

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI BẮC TRUNG BỘ

Số: **177** /BDATHHBTB/KH

Kính gửi: **TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN**

Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch quý I/2015

TT	Hạng mục	Kế hoạch giao (triệu đồng)										Cộng	Lương và PCL	Q/ly phí DV
		Cộng	Lương và PCL	Chi phí chung	Định lượng	Nước ngọt	Phụ cấp đi biển	Nghiep vụ phí	Thu nhập CTTT	Thuế GTGT				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
A	Tổng cộng:	8.527,2	3.074,9	876,4	737,8	114,9	80,5	2.867,5		775,2	12.591.533,697	3.173.755,488	903.449,089	
	Sản phẩm thường xuyên	8.527,2	3.074,9	876,4	737,8	114,9	80,5	2.867,5		775,2	11.980.700,275	3.086.722,152	872.376,587	
	Quản lý vận hành bảo hiệu lương tàu biển	4.260,4	1.368,2	365,1	365,9	25,2	27,8	1.720,9		387,3	4.419.310,739	1.312.693,828	343.087,194	
1.1	Z1L (Quản lý bảo hiệu lương)	3.303,5	1.114,8	317,7	346,0	25,2		1.199,5		300,3	3.619.608,243	1.083.407,715	308.771,199	
1.2	Z2L(Tiếp tế-kiểm tra lương)	286,3	108,1	6,0	5,7			140,5		26,0	212.711,340	84.294,389	5.206,217	
1.3	Z3L (Thuyền phao định kỳ)	541,9	145,3	41,4	14,2		27,8	263,9		49,3	366.033,750	102.139,574	29.109,778	
1.4	Bảo dưỡng bảo hiệu trên luồng	128,7						117,0		11,7	173.820,041			
1.5	Nhận công từ bảo vệ cầu tàu (tàu Hải)										47.137,365	42.852,150		
2.0	Quản lý vận hành đèn	3.506,6	1.517,0	432,4	371,9	89,7	52,7	724,1		318,8	4.257.369,563	1.593.316,497	454.095,202	
2.1	Z1B (Quản lý đèn)	3.195,3	1.481,0	422,1	364,0	89,7	50,7	497,3		290,5	3.916.465,433	1.552.739,337	442.530,711	
2.2	Z2B (Tiếp tế, kiểm tra đèn)	311,3	36,0	10,3	7,9		2,0	226,8		28,3	340.904,130	40.577,160	11.564,491	
3.0	Sửa chữa thường xuyên	760,2	189,7	78,9	0,0	0,0		422,5		69,1	787.449,983	180.711,827	75.194,191	
3.1	Vé cơ khí	760,2	189,7	78,9	0,0	0,0		422,5		69,1	787.449,983	180.711,827	75.194,191	
3.1.1	Sửa chữa 27 quả phao (toàn bộ luồng Cửa Hới-Bến Thủy)	501,5	152,9	63,6				239,4		45,6	551.545,589	151.577,477	63.071,388	

3.1.1.1	Sửa chữa phao đoan luồng Cửa Hội										224.379.249	62.398.160	25.963.874
3.1.1.2	Sửa chữa phao đoan luồng Xuân Hải-Bến Thủy										327.166.340	89.179.317	37.107.514
3.1.2	Thay 08 bộ xích rùa tại luồng Cửa Hội-Bến Thủy	147,2	11,1	4,6				118,1		13,4	125.058.899	8.168.486	3.398.907
3.1.3	Sửa chữa 07 máy tại các trạm đèn, trạm luồng đơn vị quản lý	111,5	25,7	10,7				65,0		10,1	110.845.495	20.965.864	8.723.896
4.0	Thanh toán bổ sung										* 2.516.569.990		
4.1	Thanh toán bổ sung chi phí nước ngọt 2014										154.235.400		
4.2	Thanh toán bổ sung chi phí định lượng 2014										1.678.303.000		
4.3	Thanh toán bổ sung chi phí phụ cấp đi biển 2014										684.031.590		
II	Sản phẩm không thường xuyên	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	610.833.422	87.033.336	31.072.502
2.0	Đổi xuất đàm báo giao thông										610.833.422	87.033.336	31.072.502
2.1	Thi công thu hồi thả lại phao báo hiệu										254.742.544	39.222.496	11.178.411
2.2	Sửa chữa cơ khí										356.090.878	47.810.840	19.894.091

Người lập



Nguyễn Xuân Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ an, ngày 13 tháng 4 năm 2015

NBẮC

Thực hiện (Đồng)							DV được hưởng
Q/ly phí Cty	Định lượng	Nước ngọt	Phụ cấp đi biển	Nghiep vụ phí	Thu nhập CTTT	Thuế GTGT	
(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(22)	"(23)
843.530.445	2.527.855.460	255.100.000	772.878.900	2.903.174.074	67.105.357	1.144.684.884	11.589.834.322
824.993.946	2.521.866.260	255.100.000	751.534.900	2.538.714.293	40.237.564	1.089.154.573	11.028.945.621
343.087.194	505.339.800	25.189.000	35.264.000	1.452.894.200		401.755.523	4.041.914.833
308.771.199	489.447.000	25.189.000		1.074.966.835		329.055.295	3.279.959.924
5.206.217	5.997.600			92.669.522		19.337.395	206.984.501
29.109.778	9.895.200		35.264.000	127.239.624		33.275.796	334.013.002
				158.018.219		15.801.822	173.820.041
						4.285.215	47.137.365
454.095.202	490.796.460	89.697.000	94.424.000	693.911.605		387.033.597	3.757.864.841
442.530.711	475.052.760	89.697.000	90.712.000	467.160.602		356.042.312	3.429.681.651
11.564.491	15.743.700		3.712.000	226.751.003		30.991.285	328.183.190
27.811.550				391.908.488	40.237.564	71.586.363	712.595.957
27.811.550				391.908.488	40.237.564	71.586.363	712.595.957
23.327.774				235.047.021	28.381.420	50.140.509	494.665.476

9.603.077				94.469.922	11.546.102	20.398.114	201.115.152
13.724.697				140.577.099	16.835.318	29.742.395	293.550.324
1.257.130				94.430.107	6.435.278	11.368.991	116.597.250
3.226.646				62.431.360	5.420.866	10.076.863	101.333.231
	<u>1.525.730.000</u>	<u>140.214.000</u>	<u>621.846.900</u>			<u>228.779.090</u>	<u>2.516.569.990</u>
		140.214.000				14.021.400	154.235.400
	1.525.730.000					152.573.000	1.678.303.000
			621.846.900			62.184.690	684.031.590
<u>18.536.499</u>	<u>5.989.200</u>		<u>21.344.000</u>	<u>364.459.781</u>	<u>26.867.793</u>	<u>55.530.311</u>	<u>560.888.701</u>
18.536.499	5.989.200		21.344.000	364.459.781	26.867.793	55.530.311	560.888.701
11.178.411	5.989.200		21.344.000	134.127.536	8.544.077	23.158.413	233.047.807
7.358.088				230.332.245	18.323.716	32.371.898	327.840.894

BẢO ĐẢM ATHH BẮC TRUNG BỘ

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sáu

CHỖ NHÃN TỔNG CÔNG TY
BẢO ĐẢM AN TOÀN
HÀNG HẢI MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MTV - BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI
BẮC TRUNG BỘ
TP. LÂM. T. NGHỆ. AN